

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2020/HS-ST

Ngày 06 - 5 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đông Giang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Trường và ông Trần Tuấn Vũ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Ngoan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa:*
Ông Lê Huy Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2020/TLST –HS ngày 28 tháng 3 năm 2020, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 đối với:

- Bị cáo **Vũ Văn Q**, sinh ngày 18/11/1978; Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Mạnh Th, sinh năm 1946 và con bà Lưu Thị B, sinh năm 1949; Vợ là Vũ Thị H, sinh năm 1981; Có 03 con, con lớn sinh năm 2001(tàn tật bẩm sinh), con thứ hai sinh năm 2006, con thứ ba sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14/8/2014, Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La xử phạt Q 24 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chấp Hnh xong hình phạt tù từ ngày 29/12/2015. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Phạm Văn B, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện K, tỉnh Thái Bình. (Nay là thôn A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình), vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Vũ Thị H, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình (Là vợ bị cáo Q), có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Hồng A, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn Tr, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình (Vắng mặt); Chị Vũ Thị A, sinh năm 1981, nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình (Vắng mặt); Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1984, nơi cư trú: Thôn Lương Ph, xã Tây L, huyện T, tỉnh Thái Bình (Vắng mặt); Anh Phạm Văn H, sinh năm 1975, nơi cư trú: Thôn Ph, xã Ph, huyện T, tỉnh Thái Bình (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 08/01/2020 Vũ Văn Q cùng tập thợ sơn gồm các anh Phạm Văn H, Phạm Văn C và Nguyễn Hồng A đến nhờ của gia đình ông Phạm Văn B ở thôn An Đ, xã A, huyện K, tỉnh Thái Bình để làm công việc lăn sơn nhờ do ông B thuê. Khoảng 11 giờ cùng ngày ông B có mời mọi người về tại nhờ riêng của ông B cùng thôn để ăn cơm. Sau khi ăn trưa xong, anh Cường có việc nên về trước, ông B cùng anh H vào nhờ để làm tiếp, còn Q và Hồng A ở lại nhờ ông B để dọn dẹp. Sau khi dọn nhờ xong, Hồng A vào phòng ngủ nhờ ông B để nghỉ trưa còn Q một mình ngồi uống nước tại gian phòng khách. Lợi dụng lúc ông B vắng nhờ, quan sát thấy cánh cửa tự khóa vì bên phải có chìa khóa cắm tại ổ khóa tủ nên Q nảy sinh ý định trộm cắp, Q mở tủ thấy có một túi bằng vải màu đen, kích thước (20x10x4cm), Q cầm túi mở khóa phát hiện bên trong có một xấp tiền và giấy tờ cá nhân của ông B, Q lấy toàn bộ số tiền ra đếm được 16 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng (tổng số tiền là 8.000.000đồng). Q cầm toàn bộ số tiền bỏ vào túi áo khoác rồi để lại chiếc túi vào tủ khóa lại.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Q điều khiển xe về đến cửa Hng tạp hóa của chị Vũ Thị Thu H ở thôn Lương Phú, xã T, huyện T dùng số tiền trộm cắp mua một thùng sữa TH True milk cho con nhỏ và 01 gói cà phê hòa tan hết 480.000đồng, và đưa cho vợ là chị Vũ Thị H số tiền 2.500.000 đồng nói là tiền ứng công thợ. Chị H do không biết tiền Q đưa là do trộm cắp nên đã dùng số tiền trên mang đóng học cho con hết 1.500.000đồng, còn 1.000.000đồng chị H vẫn giữ. Số tiền 5.020.000đồng

còn lại Q cầm chi tiêu cá nhân hết. Quá trình làm việc tại cơ quan điều tra chỉ H đã giao nộp lại số tiền 1.000.000đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương đã trả lại cho ông B, đồng thời bị cáo đã bồi H cho ông B số tiền còn lại 7.000.000đồng, ông B đã nhận lại tổng số 8.000.000đồng và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Cáo trạng số 16/CT-VKSKX ngày 25/3/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương đã truy tố Vũ Văn Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tuyên phạt Vũ Văn Q từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong.

Sau phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hình vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hình vi, Q định của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Do đó, các Hình vi, Q định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, đơn trình báo và lời khai của bị hại ông Phạm Văn B, Lời khai của những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 09/01/2020, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 10/01/2020 của Công an huyện Kiến Xương. Thể hiện: Vào buổi trưa ngày 08/01/2020, Vũ Văn Q đã có Hình vi lén lút trộm cắp số tiền 8.000.000 đồng của ông Phạm Văn B ở thôn An Đoài, xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Hình vi của bị cáo Vũ Văn Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Đã bị xử phạt vi phạm Hành chính về Hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3] Về tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Bị cáo thực hiện Hành vi có tính cơ hội, lợi dụng sơ hở mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, đã thực hiện Hành vi trộm cắp số tiền 8.000.000đ của ông B, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện Hành vi do cố ý, do đó Hành vi của bị cáo phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, cần đưa ra mức án tương xứng với tính chất mức độ Hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo tHnh khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về Hành vi phạm tội của mình; Giá trị tài sản bị cáo trộm cắp không lớn; Sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả, tự nguyện nộp lại số tiền 8.000.000đ trả lại cho ông B, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51BLHS. Bị cáo là đối tượng có H cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, phải nuôi ba con nhỏ trong đó có một con bị tàn tật, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại điểm khoản 2 Điều 51BLHS đối với bị cáo.

[5] Xét tính chất mức độ Hành vi, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo cho thấy: Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, mặc dù đã bị kết án về tội phạm khác

nhưng đã được xóa án tích, bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào, có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, 02 tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51, bị cáo có H cảnh gia đình đặc biệt khó khăn. Do đó khi Q định hình phạt không cần thiết áp dụng hình thức cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần Q định mức hình phạt phù hợp, cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo trở tHnh công dân có ích cho xã hội, đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo có thời gian chăm lo, phụ giúp gia đình trong điều kiện H cảnh khó khăn, thể hiện tính nhân đạo, sự kHn hồng của pháp luật, phù hợp Điều 65 BLHS.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông B đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu bồi thường khoản nào khác, nên trách nhiệm dân sự không đặt ra giải Q.

[7] Về vật chứng vụ án: Số tiền 1.000.000đồng chị H nộp lại cho công an, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông B theo đúng quy định.

[8] Về án phí: Bị cáo Vũ Văn Q phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173, điểm b,h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn Q phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q 01(*một*) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02(hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/5/2020.

Giao bị cáo Vũ Văn Q cho UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi Hnh án hình sự.

“ Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi Hình án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Q định buộc người đó phải chấp Hnh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về án phí: Bị cáo Vũ Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Vũ Văn Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị H có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/5/2020.

Nơi nhận:

- VKSND h. K;
- Công an h.K;
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS h. Kiến Xương
- Sở tư pháp t. Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Vũ Đông Giang